

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt danh sách tổng hợp nhân khẩu hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập được hưởng chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn năm 2017

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg ngày 07/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn; Quyết định số 1049/QĐ-TTg ngày 26/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn; Quyết định số 12/2016/QĐ-TTg ngày 11/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện Quyết định số 30/2012/QĐ-TTg ngày 18/7/2012 và Quyết định số 1049/QĐ-TTg ngày 26/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT-UBND-BTC ngày 08/01/2010 của Ủy ban Dân tộc và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg ngày 07/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo vùng khó khăn;

Căn cứ công văn số 6775/BTC-NSNN ngày 24/5/2017 của Bộ Tài chính về việc thực hiện chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016-2020 và Công văn số 936/UBND-CSĐT ngày 11/9/2017 của Ủy ban Dân tộc về việc triển khai thực hiện chính sách theo Quyết định 102/QĐ-TTg;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Dân tộc tỉnh tại Tờ trình số 435/TTr-BDT ngày 02/10/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách tổng hợp nhân khẩu hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập được hưởng chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn năm 2017 gồm có 12.015 hộ, 56.629 nhân khẩu, trong đó:

- Các xã khu vực III vùng khó khăn: 7.129 hộ, 36.722 nhân khẩu.

- Các xã khu vực II, xã biên giới, xã bãi ngang vùng khó khăn, huyện đảo Cồn Cỏ: 4.886 hộ, 19.907 nhân khẩu.

(Có biểu chi tiết đính theo)

Điều 2. Giao Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách theo quy định.

Giao Sở Tài chính hướng dẫn các địa phương trong việc lập dự toán, quản lý, cấp phát, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ trực tiếp.

Điều 3. Giao UBND các huyện: Hướng Hoá, Đa Krông, Cam Lộ, Gio Linh, Vĩnh Linh, Triệu Phong, Hải Lăng và huyện đảo Côn Cỏ căn cứ vào nhu cầu của người dân ở các địa phương và thời gian còn lại trong quý IV/2017 đề chủ động lựa chọn các hình thức triển khai thực hiện phù hợp như: hỗ trợ muối I-ốt, giống cây trồng, vật nuôi hoặc cấp phát bằng tiền mặt.

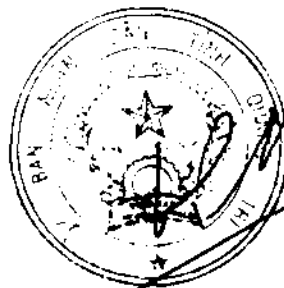
Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Lao động – Thương binh và Xã hội; Trưởng Ban Dân tộc tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan, Chủ tịch UBND các huyện: Hướng Hoá, Đa Krông, Cam Lộ, Gio Linh, Vĩnh Linh, Triệu Phong, Hải Lăng và huyện đảo Côn Cỏ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ủy ban Dân tộc;
- TT.HUBND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT Hà Sỹ Đồng;
- Lưu: VT, DT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hà Sỹ Đồng

TỔNG HỢP DAN SÁCH NHỮNG KHẨU HỘ NGHÈO THEO TIÊU CHÍ THU NHẬP ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TRỰC TIẾP CHO NGƯỜI DÂN THUỘC HỘ NGHÈO Ở VÙNG KHÓ KHĂN NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số **2774** QĐ-UBND ngày **13** / 10 / 2017 của UBND tỉnh Quảng Trị)

TT	Huyện / Xã, Thị trấn	T. số hộ toàn xã năm 2017	T. số khẩu toàn xã năm 2017	Hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập xã KV III ở vùng khó khăn		Hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập xã KV II, xã biên giới, xã bãi ngang, hải đảo ở vùng khó khăn	
				Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
1	Huyện Hướng Hóa	13,505	62,104	3,289	17,565	1,839	9,245
1	Xã Thanh	655	3,758	472	2,713		
2	Xã A Túc	528	2,437	346	1,750		
3	Xã Xy	358	2,113	220	1,353		
4	Xã A Dơi	632	3,111	357	1,786		
5	Xã Hướng Lộc	528	2,952	360	2,168		
6	Xã Húc	693	3,790	328	1,845		
7	Xã Hướng Tân	709	3,398	236	1,176		
8	Xã Hướng Linh	471	2,280	293	1,462		
9	Xã Hướng Sơn	480	2,120	294	1,403		
10	Xã Hướng Việt	503	1,465	175	911		
11	Xã Hướng Lập	520	1,514	208	998		
12	Xã Tân Hợp	1,233	5,125			30	115
13	Xã Tân Lập	1,078	4,505			100	409
14	Xã Tân Long	1,039	4,129			72	337
15	Xã Tân Thành	936	3,768			114	515
16	Xã Thuận	696	3,324			151	717
17	Xã A Xing	494	2,469			351	1,893
18	Xã Ba Tầng	706	3,672			533	2,954
19	Xã Hướng Phùng	1,646	6,174			488	2,305
1	Huyện Đakrông	9,343	40,481	3,257	16,700	1,203	5,041
1	Xã A Bung	601	2,478	340	1,503		
2	Xã A Ngo	701	3,038	436	2,050		
3	Xã A Vao	576	2,902	408	2,226		
4	Xã Tả Rụt	1,077	4,295	499	2,371		
5	Xã Húc Nghi	324	1,528	182	939		
6	Xã Tả Long	686	3,391	361	1,872		
7	Xã Ba Nang	573	3,156	363	2,232		
8	Xã Đakrông	1,129	5,409	668	3,507		
9	H. Krông Klang	1,024	3,922			296	1,208
10	Xã Mỏ Ó	418	1,693			116	499
11	Xã Triệu Nguyên	302	1,099			45	151
12	Xã Ba Lòng	698	2,232			105	386
13	Xã Hướng Hiệp	1,184	4,768			615	2,681
14	Xã Hải Phúc	140	570			26	116
III	Huyện Cam Lộ	1,347	5,663			244	879
1	Xã Cam Tuyền	1,347	5,663			244	879

IV	Huyện Gio Linh	4,953	21,495	325	1,381	341	1,233
1	Xã Linh Thượng	516	2,090	229	1,006		
2	Xã Vĩnh Trường	184	682	96	375		
3	Xã Hải Thái	1,118	4,342			79	253
4	Xã Gio Hải	869	3,900			128	515
5	Xã Gio Việt	1,222	6,292			103	417
6	Xã Trung Giang	1,044	4,189			31	48
V	Huyện Vĩnh Linh	4,360	16,333	258	1,076	479	1,435
1	Xã Vĩnh Ô	323	1,299	258	1076		
2	Xã Vĩnh Hà	547	1,845			131	454
3	Xã Vĩnh Khê	291	1,068			122	423
4	Xã Vĩnh Thái	864	3,122			92	201
5	Xã Vĩnh Giang	1,446	5,310			90	270
6	Xã Vĩnh Thạch	889	3,689			44	87
VI	Huyện Triệu Phong	4,912	19,781			539	1,606
1	Xã Triệu Vân	684	3,320			71	244
2	Xã Triệu An	1,415	5,239			209	777
3	Xã Triệu Lăng	1,098	3,693			111	235
4	Xã Triệu Phước	1,715	7,529			148	350
VII	Huyện Hải Lăng	2,197	9,351			238	456
1	Xã Hải An	1,377	5,671			147	289
2	Xã Hải Khê	820	3,680			91	167
VIII	Huyện Cồn Cỏ	9	36			3	12
Tổng cộng:		40,626	175,244	7,129	36,722	4,886	19,907